

Số: 152/2023/QĐST-HNGĐ

L, ngày 26 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 197/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp về hôn nhân và gia đình, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị H T T L, sinh năm 1989

- **Bị đơn:** Anh Đ T L, sinh năm 1989

Đều có địa chỉ: Khu B, xã L, huyện L, tỉnh T

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Bà H T T, sinh năm 1958

Địa chỉ: Khu B, xã L, huyện L, tỉnh T.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và khoản 1, 3 Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 12 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị H T T L và anh Đ T L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Hai bên tự nguyện thoả thuận, chị H T T L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đ N M, sinh ngày 04/7/2017. Anh Đ T L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đ H B, sinh ngày 14/01/2010, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi), lao động tự túc được. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L và anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung, các thành viên trong gia đình không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công sức*: Hai bên đều không đề nghị tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ chung về tài sản*: Các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận và đề nghị ghi nhận việc thỏa thuận trả nợ cụ thể như sau: Anh Đ T L có nghĩa vụ trả nợ cho bà H T T tiền gốc 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), anh L không phải trả bất kỳ khoản tiền lãi nào cho bà T. Thời hạn trả nợ cho bà T vào ngày 10/4/2024.

Chị L không phải thanh toán tiền chênh lệch trả nợ cho anh L vì anh L không yêu cầu.

- *Về án phí*: Chị H T T L xin chịu cả số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa, theo biên lai số 0006269 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh T. Trả lại cho chị L tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa đã nộp là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã C, Huyện S;
- L hồ sơ vụ án;
- L VP./.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Thảo